TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 01 - 2021
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan
Ông Trần Văn Chánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa: Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 29/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 2218/2020/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 317/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/12/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 48/QĐST –HNGĐ ngày 13/01/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Quốc L, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 102/2S, tổ 8, khu phố 3, phường Tân Hiệp, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn:

Bà Phạm Thị Kim H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 130E, tổ 4, khu phố 5, phường Long Bình, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(ông L có đơn xin vắng mặt; bà H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà Phạm Thị Kim H kết hôn năm 1990 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện LT, tỉnh Đồng Nai, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai đe dọa, cưỡng ép. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, tranh chấp, bất đồng quan điểm sống. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông làm đơn yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị Kim H.

Về con chung: Có 02 con chung nguyễn Thị Mai H, sinh ngày 25/8/1991 và Nguyễn Thị hồng H, sinh ngày 14/10/1993. Các con đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Thị Kim H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Quốc L kết hôn năm 1990 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện LT, tỉnh Đồng Nai, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2000 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông L có người phụ nữ khác, vợ chồng sống bất đồng quan điểm, sống ly thân gần 20 năm nay. Nay ông L làm đơn khởi kiện ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Do bà theo đạo công giáo nên không đồng ý ký hay nhận bất kỳ văn bản nào do Tòa án tống đạt.

Về con chung: Có 02 con chung cháu nguyễn Thị Mai H, sinh ngày 25/8/1991 và Nguyễn Thị hồng H, sinh ngày 14/10/1993. Ly hôn con chung đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những tham gia tố tụng: Thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Quốc L, cho ông Nguyễn Quốc L được ly hôn với bà Phạm Thị Kim H; Về con chung: Có 02 con chung nguyễn Thị Mai H, sinh ngày 25/8/1991 và Nguyễn Thị hồng H, sinh ngày 14/10/1993. Do các con đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: theo ông Nguyễn Quốc L, bà Phạm Thị Kim H trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí: Ông Nguyễn Quốc L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Phạm Thị Kim H hiện cư trú tại địa bàn thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tống tụng cho bà H nhưng bà không đến tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải cũng như xét xử nhưng bà H theo đạo công giáo nên không đồng ý ký hay nhận bất kỳ văn bản nào do Tòa án tống đạt cũng như không đến Tòa làm việc. ông L có đơn xin xét xử vắng. Căn cứ Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành đưa vụ án xét xử vắng mặt đối với bà H, ông L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc L và bà Phạm Thị Kim H chung sống với nhau từ năm 1990, có đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện,

không bị ai đe dọa, cưỡng ép nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các điều 5, 6, 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986.

Quá trình chung sống theo ông Nguyễn Quốc L trình bày vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vì tính tình không hòa hợp, ông bà gây gỗ cải nhau thường xuyên, vì không ai hiểu ai nên ông bà chịu đựng cảnh sống không hòa thuận trong khoảng thời gian đó rất khổ sở. Vì vậy, ông Nguyễn Quốc L làm đơn yêu cầu được ly hôn với Phạm Thị Kim Huê.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Phạm Thị Kim Huệ và ông Nguyễn Quốc L theo ông Nguyễn Quốc L trình bày là có thật, thể hiện bà H cũng thừa nhận hai vợ chồng có mâu thuẫn, đã ly thân được 20 năm nay. Qúa trình giải quyết Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ để bà H đến Tòa làm việc nhưng bà không đến tòa để tham gia các buổi làm việc, cũng như hòa giải đoàn tụ gia đình, thể hiện bà bỏ mặc cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng, không có ý muốn hàn gắn đoàn tụ. Căn cứ vào các điều 51, 54, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Quốc L, giải quyết cho bà được ly hôn với bà Phạm Thị Kim H là phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về con chung: Bà Phạm Thị Kim H và ông Nguyễn Quốc L có 02 con chung nguyễn Thị Mai H, sinh ngày 25/8/1991 và cháu Nguyễn Thị hồng H, sinh ngày 14/10/1993. Do các con đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Theo ông Nguyễn Quốc L, bà Phạm Thị Kim H trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Ông Nguyễn Quốc L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Quốc L đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai số 0006740 ngày 28/9/2020, ông Nguyễn Quốc L đã nộp xong.

[7] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp nhận định Hội đồng xét xử nên được xem xét trong quá trình nghị án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các điều 5, 6, 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986.

Áp dụng các điều 51, 54, 56, 57, 58; 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Quốc L.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc L được ly hôn với bà Phạm Thị Kim H.

Về con chung: Có 02 con chung nguyễn Thị Mai H, sinh ngày 25/8/1991 và Nguyễn Thị hồng H, sinh ngày 14/10/1993, các con đã trưởng thành, có khả năng lao đổng nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí HNGĐ sơ thẩm: Ông Nguyễn Quốc L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Quốc L đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai số 00006740 ngày 28/9/2020, ông Nguyễn Quốc L đã nộp xong.

Ông Phạm Quốc Lâm, bà Phạm Thị Kim H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- Toà án tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Thành phố B;
- THADS Thành phố B;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân | Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận
- Toà án tỉnh Đồng Nai
- VKS TP Biên Hòa
- Các đương sự
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quyên